TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 2 - 2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Chiều. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Thị trấn Ph, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Ông Tạ Văn Nhật. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Xã S, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 2 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35a/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 2 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1990; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 6, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Khoa T, sinh năm 1988; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 6, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1948;

+ Bà Lê Thị M, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Cụm 6, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Ông Hoàng Văn Q ủy quyền cho bà Lê Thị M tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 13/2/2019; bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là ông Nguyễn Huy Nh, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch A thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ Tây Đô; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và các lời khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày: Chị và anh Hoàng Khoa T kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 18/3/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, sau khi kết hôn khoảng ba đến bốn tháng thì chị đã một lần làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn nhưng sau đó được Tòa án động viên, hòa giải nên chị đã rút đơn về đoàn tụ. Quá trình sống chung về sau cũng không hạnh phúc, mà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ quan điểm, và từ lý do kinh tế. Anh T không tôn trọng chị, có nghi ngờ chị quan hệ với người khác nên đã nhiều lần đánh chị. Có lần chị bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T có đến xin chị trở về và hứa không đánh đập chị nữa nên chị đồng ý nhưng sau đó anh T vẫn không thay đổi. Ngoài ra, anh T còn không tôn trọng gia đình bố mẹ đẻ của chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 05/10/2018 đến nay. Nhận thấy cuộc sống của chị rất áp lực, tình cảm vợ chồng không còn nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Trường Gi, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 11/6/2015, hiện nay hai cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn chị xin được nuôi cháu Hoàng Bảo A, anh T nuôi cháu Hoàng Trường Gi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tài sản chung, công sức với hai bên gia đình: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Trong thời gian sống chung, anh T có đứng tên vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ, Tây Đô - Phòng giao dịch A số tiền 200 triệu đồng. Mục đích anh T vay số tiền này là để cho bố mẹ anh T xây dựng nhà. Tính đến ngày 03/01/2019 gia đình đã trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc là 50 triệu đồng và số tiền lãi đã trả là 22.677.525 đồng. Để vay số tiền trên thì bố mẹ anh T có thế chấp quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị M là thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích 353.9m^2 tại xã A, huyện Đ. Chị đề nghị Tòa án giải quyết

để anh T chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ của Ngân hàng. Ngoài các yêu cầu và đề nghị nêu trên, chị không yêu cầu, đề nghị vấn đề gì khác.

- Bị đơn anh Hoàng Khoa T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị Trần Thị Th đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, trong quá trình sống chung giữa anh và chị Th có xảy ra mâu thuẫn từ đầu tháng 10/2018. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hiểu lầm nên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01/10/2018 đến nay và không quan tâm tới nhau. Anh không muốn ly hôn nhưng chị Th kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý.

Vợ chồng có 02 con chung như chị Th trình bày. Hiện hai cháu Hoàng Trường Gi và Hoàng Bảo A đang ở với gia đình nhà anh. Khi ly hôn anh xin được cả hai cháu và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công sức với hai bên gia đình: Không có.

Về nợ: Anh nhất trí với ý kiến trình bày của chị Th là anh có đứng tên vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ, Tây Đô - Phòng giao dịch A số tiền 200 triệu đồng, mục đích vay số tiền này là để cho bố mẹ anh xây dựng nhà. Tính đến ngày 03/01/2019 thì gia đình anh đã trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc là 50 triệu đồng và số tiền lãi là 22.677.525 đồng. Nếu ly hôn thì anh nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ gốc 150 triệu đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Trong trường hợp anh không trả được tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thì anh và gia đình đồng ý để Ngân hàng kê biên phát mại tài sản thế chấp với Ngân hàng.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam trình bày: Ngày 30/11/2017, anh T và chị Th có ký Hợp đồng tín dụng vay số tiền 200 triệu với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ, Tây Đô - Phòng giao dịch A. Lãi suất vay 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 13,2%/năm, lãi suất vay có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20/11/2020. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị M (bố mẹ đẻ anh T) có ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị M là thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích 353.9m^2 ở xã A, huyện Đ. Nay anh T và chị Th ly hôn thì Ngân hàng đồng ý với phương án anh T, chị Th và ông Q, bà M đưa ra là anh T trả toàn bộ số tiền còn nợ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Trong trường hợp anh T không trả được tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng thì chị Th, anh T, ông Q, bà M đồng ý để Ngân hàng kê biên phát mại tài sản thế chấp với Ngân hàng.

- Ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị M trình bày: Ông bà thống nhất với phần trình bày về nợ chung của chị Th và anh T. Do cần tiền để xây nhà nên ông bà có nhờ anh T và

chị Th đứng ra vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ, Tây Đô - Phòng giao dịch A số tiền 200 triệu đồng. Tính đến ngày 03/01/2019 đã trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc là 50 triệu đồng và số tiền lãi đã trả là 22.677.525 đồng, còn lại 150 triệu đồng. Thực chất toàn bộ số tiền đã trả được là do ông bà trả. Ông bà nhất trí với việc anh T là người trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Trường hợp anh T không trả được số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì ông bà đồng ý để Ngân hàng kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên ông bà để thanh toán khoản nợ.

- Tại phiên toà, chị Trần Thị Th giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Hoàng Khoa T, về con chung chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị nuôi cháu Hoàng Bảo A, anh T nuôi cháu Hoàng Trường Gi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Hoàng Khoa T trình bày vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th, nhưng nếu chị Th kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đề nghị được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ, chị Th, anh T đề nghị chấp nhận việc anh T là người trả khoản nợ cho Ngân hàng theo phương án đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng và ông Q, bà M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp nhận phương án trả khoản nợ như các bên đã thống nhất tại phiên hòa giải ở Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là đúng qui định của pháp luật; về việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Th và anh Hoàng Khoa T không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Th được ly hôn anh T. Về con chung, giao cho chị Th nuôi cháu Hoàng Bảo A và anh T nuôi cháu Hoàng Trường Gi. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Th, anh T, đại diện Ngân hàng và bà M, ông Q, giao cho anh T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Thị Th có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn

với anh Hoàng Khoa T có địa chỉ tại Cụm 6, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, theo qui định của pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định để giải quyết vụ án. Tại các buổi hòa giải chị Th và anh T không thống nhất về việc ly hôn và việc nuôi con chung nên căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Th và anh Hoàng Khoa T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội vào ngày 14/3/2012 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Th và anh T chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do kinh tế, quan điểm sống của hai bên. Ngoài ra, anh T nghi ngờ chị Th có quan hệ với người khác nên không tôn trọng và có hành vi đánh chị Th. Đã có một lần chị Th gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn anh T nhưng sau đó được Tòa án động viên hòa giải nên chị Th rút đơn đoàn tụ. Quá trình sống chung sau đó do anh T không thay đổi tính cách nên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và dẫn đến sống ly thân. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được nên chị Th kiên quyết xin ly hôn. Anh T cũng xác định trong cuộc sống chung vợ chồng có mẫu thuẫn, thời gian đầu giải quyết tại Tòa án anh T trình bày vẫn còn tình cảm với chị Th nên xin đoàn tụ, tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày nếu chị Th kiên quyết xin ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Th và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại và mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Xác định chị Trần Thị Th và anh Hoàng Khoa T có hai con chung là cháu Hoàng Trường Gi, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 11/6/2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy rằng cả hai bên đều có điều kiện để nuôi con. Nay cả hai bên đều yêu cầu được nuôi con, hiện cháu Hoàng Bảo A hiện là con gái và còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Hoàng Bảo A cho chị Th nuôi và giao cháu Hoàng Trường Gi cho anh T nuôi là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình. Chị Trần Thị Th và anh Hoàng Khoa T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và hai bên đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công sức: Các bên đương sự không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ: Xác định ngày 30/11/2017, anh Hoàng Khoa T có ký Hợp đồng tín dụng số 2211LAV201701876/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ, Tây Đô - Phòng giao dịch A để vay số tiền 200 triệu đồng. Lãi suất vay 11%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 13,2%/năm và lãi suất vay có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20/11/2020; mục đích vay sử dụng vào mục đích gia đình, cá nhân. Khi vay khoản nợ trên, chị Trần Thị Th tuy không ký Hợp đồng tín dụng nhưng đã có Giấy ủy quyền ngày 17/11/2017 cho anh T trong việc vay nợ với Ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay thì ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị M (bố mẹ đẻ anh T) có ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 1792/2017 ngày 24/11/2017, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích 353.9m^2 ở Cụm 6, xã A, huyện Đ đứng tên ông Q và bà M. Tính đến ngày 03/01/2019 anh T đã trả nợ được cho Ngân hàng số tiền gốc là 50 triệu đồng và số tiền lãi đã trả là 22.677.525 đồng, còn lại nợ gốc là 150 triệu đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 14/2/2019 tại Tòa án thì chị Th, anh T và bà M (ông Q ủy quyền cho bà M) thống nhất xác định khoản vay của Ngân hàng là do anh T, chị Th đứng tên vay cho bà M, ông Q sử dụng để xây dựng nhà của gia đình. Số tiền lãi và gốc anh T đã trả cho Ngân hàng là tiền của bà M và ông Q đưa. Chị Th, anh T và bà M thống nhất đề nghị giao khoản nợ trên cho anh T tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ 150 triệu đồng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 04/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp anh T không trả được số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì các bên đồng ý để Ngân hàng kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà M và ông Q để thanh toán khoản nợ. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cũng đồng ý với phương án trả nợ theo sự thỏa thuận nêu trên và đề nghị Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cũng như bà M, ông Q vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án chấp nhận phương án trả nợ như các bên đã thỏa thuận tại phiên hòa giải ngày 14/2/2019. Chị Th và anh T tại phiên tòa cũng đồng ý về việc trả nợ như nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, khoản nợ vay Ngân hàng do anh T đứng vay có sự ủy quyền của chị Th và phát sinh trong thời gian chị Th và anh T sống chung. Tuy nhiên, thực chất của khoản vay các bên đều xác định là để sử dụng vào việc gia đình anh T và bà M, ông Q. Nay chị Th và anh T ly hôn, giữa chị Th, anh T, bà M, ông Q và đại diện Ngân hàng đều thống nhất giao cho anh T trả khoản nợ còn lại. Để thuận tiện trong việc trả nợ cho Ngân hàng nên chấp nhận, giao cho anh T tiếp tục trả nợ số tiền vay gốc còn lại cho Ngân hàng và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 04/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp anh T không trả được số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã

ký kết với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bà M và ông Q để thanh toán khoản nợ.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng Khoa T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.750.000 đồng, tuy nhiên chị Th tự nguyện chịu ½ số tiền án phí dân sự cùng với anh T nên chấp nhận.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 317, 318, 319, 322, 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Th. Chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Hoàng Khoa T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Th và anh Hoàng Khoa T có hai con chung là cháu Hoàng Trường Gi, sinh ngày 05/9/2012 và cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 11/6/2015.

Giao cháu Hoàng Trường Gi cho anh Hoàng Khoa T nuôi và giao cháu Hoàng Bảo A cho chị Trần Thị Th nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức: Các đương sự không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về nợ: Giao cho anh Hoàng Khoa T trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ Tây Đô - Phòng giao dịch A số tiền nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số 2211LAV201701876/HĐTD ngày 30/11/2017 là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày 04/01/2019 anh Hoàng Khoa T còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên (Trong trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà người vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

Trường hợp anh Hoàng Khoa T không trả được số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 1792/2017 ngày 24/11/2017, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24, diện tích 353.9m^2 ở Cụm 6, xã A, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất số BT 468391, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH 03526 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/12/2014 đứng tên ông Hoàng Văn Q và bà Lê Thị M, để thanh toán khoản nợ.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010184 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Chị Trần Thị Th chịu số tiền 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hoàng Khoa T phải chịu số tiền 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Trần Thị Th và anh Hoàng Khoa T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Lê Thị M, ông Hoàng Văn Q và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã A, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Doãn Văn Tuyến